TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST
Ngày 14-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị M, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1968 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Thôn NH, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú H và bà Bùi Thị T; có chồng là Lê Văn B và có 03 con; tiền án, tiền sự: 02 tiền án: Bản án số 93/HSST ngày 15/8/2001 của Tòa án nhân dân huyện An Hải (nay là huyện AD, thành phố Hải Phòng) xử phạt 42 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", 30 tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 72 tháng tù; Bản án số 32/STHS ngày 13/01/2004 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" cộng với 65 tháng 12 ngày còn lại tại Bản án số 93 ngày 15/8/2001 của Tòa án nhân dân huyện An Hải; tổng hợp hình phạt của cả hai bản án là 107 tháng 12 ngày (chưa được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 01/6/2018, chuyển sang tạm giam từ ngày 03/6/2018; có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Thôn NH, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Bản án

số 20/2016/HSST ngày 06/5/2016 của TAND huyện AD, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chưa được xóa án tích); Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 01/02/2018 của TAND huyện AD, thành phố Hải Phòng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (chưa thi hành); bị tạm giữ ngày 01/6/2018, chuyển sang tạm giam từ ngày 03/6/2018; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Xuân T1 – Luật sư của Văn phòng luật sư 13-5 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đỗ Văn C, anh Nguyễn Quang T, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/6/2018 tại nhà của Nguyễn Thị M ở thôn 2 xã BS, huyện AD, Hải Phòng, Công an huyện AD bắt quả tang Nguyễn Văn T1 (là con của M) đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quang T, sinh năm 1971, trú tại thôn Hòa Nhất, xã Đặng Cương, huyện AD, Hải Phòng và Đỗ Văn C, sinh năm 1990, trú tại xóm 3 xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; thu giữ của T và C mỗi người 01 gói giấy bên trong có chất bột màu trắng vừa nhận của T1, thu giữ của T1 200.000 đồng là tiền bán ma túy và 02 gói heroine T1 vừa bán cho C, T

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Thị M đã phát hiện và thu giữ: tại gian nhà phía bên ngoài trong rèm cửa sổ 07 gói giấy chứa chất bột màu trắng; tại gian nhà phía trong: bên trong tủ đựng quần áo có 01 túi xách cá nhân có 02 túi nilon đều chứa chất bột màu trắng dạng cục, 01 quyển sổ ghi chép và số tiền 226.000.000 đồng; trong ngăn kệ tủ ti vi 01 cân điện tử; dưới gầm bàn học có 20 mảnh giấy bạc 3x8 cm. Thu giữ trên nắp thùng nhựa trong gian bếp 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 01 gói giấy nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng, 02 dao lam, 20 mảnh giấy 2x2cm và 30 mảnh giấy bạc 3x8 cm.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với toàn bộ số chất bột nêu trên. Theo Kết luận giám định số 278/KLGĐ(Đ6) ngày 03/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng: số chất bột bắt quả tang T1 bán cho Nguyễn Quang T có khối lượng 0,0156 gam, là ma túy loại heroine; T1 bán cho Đỗ Văn C là ma túy loại heroine có khối lượng 0,0273 gam; số chất bột khám xét khẩn cấp tại rèm cửa sổ có khối lượng 0,5422 gam, là ma túy loại heroine; chất bột trong túi xách ở tủ của M có khối lượng 75,1175 gam, là ma túy loại heroine; chất bột trong 01 gói giấy thu giữ trên nắp thùng nhựa trong gian bếp có khối lượng 0,0788 gam, là ma túy loại heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị M khai nhận: do nghiện ma túy nên từ khoảng sau tết Nguyên đán 2018, M nảy sinh ý định mua ma túy về bán kiếm lời và sử dụng. M thường mua ma túy loại heroine của một người đàn ông (không biết tên tuổi, địa chỉ) tại khu vực đường tàu Cầu Quay về rồi ước lượng số tiền và số

lượng ma túy mua để chia tương ứng số gói nhỏ (sau khi áng chừng lãi) để bán cho khách với giá 100.000 đồng/gói. Khoảng 20 ngày trước khi bị bắt quả tang, Nguyễn Văn T1 là con trai của M về ở cùng M. Do T1 cũng nghiện ma túy nên M giao cho T1 bán ma túy cho các con nghiện đến mua, mỗi ngày M đưa T1 từ 05 đến 10 gói heroine và yêu cầu T1 bán cho khách 100.000 đồng/gói, khi T1 bán hết sẽ đưa tiền cho M rồi lấy thêm để bán. Ngày 31/5/2018, M đi đến khu vực đường tàu Cầu Quay mua 62.000.000 đồng heroine, M mới chia được thành 10 gói, số ma túy còn lại M cất giấu vào trong túi xách và để trong tủ quần áo của M. Việc mua ma túy rồi chia nhỏ và cất giấu, M thực hiện một mình không nói cho ai biết. Khoảng 09 giờ ngày 01/6/2018, M đưa T1 09 gói nhỏ heroine để bán cho khách còn 01 gói nhỏ M giấu trong vỏ bao thuốc lá để trên nắp thùng nhựa trong bếp. Đến 11 giờ cùng ngày, M đang ở nhà dưới thì T1 bị cơ quan công an phát hiện bắt quả tang khi đang bán ma túy cho hai đối tượng khác. Cơ quan điều tra đã khám xét thu giữ của M toàn bộ số ma túy M cất giấu trong nhà.

Về số tiền và đồ vật khác thu tại nhà M, M khai: 20 mảnh giấy vở học sinh, 50 mảnh giấy bạc, 01 cân điện tử, 02 dao lam là dụng cụ M dùng để phân chia ma túy; số tiền 226.000.000 đồng là số tiền còn lại của M từ tiền bán mảnh đất bố mẹ M cho (khi đi tù M đã gửi chị gái số tiền bán đất và khi ra tù M được chị gái chuyển lại cho 300.000.000 đồng –M đã dùng một phần để chi tiêu sinh hoạt cá nhân và dùng 62.000.000 đồng để mua ma túy); quyển sổ cơ quan công an thu giữ là sổ ghi chép cá nhân của M, 01 điện thoại Nokia M dùng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc mua bán ma túy.

Nguyễn Văn T1 khai nhận: do T1 nghiện heroine nên khi đến ở với mẹ là Nguyễn Thị M thì được M giao cho nhiệm vụ giúp M bán ma túy cho các đối tượng nghiện. Mỗi ngày, M đưa cho T1 5 đến 10 gói ma túy để bán, khi bán hết M sẽ đưa thêm và cho riêng 02 gói ma túy để T1 sử dụng. M mua ma túy của ai, số lượng bao nhiêu, cất giấu ở những vị trí nào T1 không biết và không tham gia. Thỉnh thoảng, T1 nhìn thấy M lấy ma túy từ nắp thùng nhựa dưới bếp để đưa cho T1 bán. Sáng ngày 01/6/2018, T1 được M đưa 09 gói ma túy để bán, T1 cất vào rèm cửa số nhà gian nhà phía trên. Khi có Đỗ Văn C và Nguyễn Quang T đến hỏi mua ma túy, T1 lấy 02 gói ma túy ra giao cho C và T mỗi người 01 gói với giá 100.000 đồng và nhận tiền thì bị Cơ quan công an bắt quả tang, thu giữ tang vật như trên. Khi khám xét thu giữ 07 gói ma túy còn lại T1 giấu trong rèm cửa sổ. Ngoài ra Cơ quan Công an còn thu giữ của T1 01 điện thoại OPPO T1 dùng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc mua bán ma túy.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn C và Nguyễn Quang T khai nhận đã nhiều lần mua ma túy của M và T1. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/6/2018 tại nhà M, C, T mỗi người vừa mua của T1 01 gói heroine với giá 100.000 đồng thì bị bắt quả tang như trên.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 21 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Nguyễn Thị M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa , Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan đ iểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn T1 như nội dung bản Cáo trạng đã nê u và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt đối với các bị cáo:

- Căn cứ vào điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 18 đến 19 năm từ. Phạt bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 08 đến 09 năm tù. Phạt bị cáo 5.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy đã thu giữ trong vụ án; tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử, các mảnh giấy vở và giấy bạc, 01 quyển sổ và 01 túi xách; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000đ đã thu giữ của bị cáo T1; trả lại cho bị cáo M só tiền 226.000.000đ và 01 điện thoại di dộng Nokia, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thị hành án của bị cáo M; trả lại cho bị cáo T1 01 điện thoại di động OPPO, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo T1.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M:

Luật sư không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Qua phân tích tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh gia đình bị cáo, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh*:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến,

Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận các bị cáo có hành vi như sau: Do nghiện ma túy nên từ khoảng sau tết Nguyên đán 2018, Nguyễn Thị M nảy sinh ý định mua ma túy bán kiếm lời và sử dụng. M thường mua ma túy loại heroin của một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) tại khu vực đường tàu Cầu Quay rồi về chia nhỏ để bán cho khách với giá 100.000 đồng/gói. Nguyễn Thị M đã giao cho Nguyễn Văn T1 (là con trai của M) đưa T1 bán ma túy cho các con nghiện, mỗi ngày giao cho T1 từ 05 đến 10 gói heroin và yêu cầu T1 bán cho khách. Ngày 31/5/2018, M đến khu vực đường tàu Cầu Quay mua 75,7814 gam ma túy là heroin với giá 62.000.000 đồng, M mới chia được thành 10 gói, còn lại M cất vào trong túi xách và để trong tủ quần áo của M. Khoảng 9 giờ ngày 01/6/2018, M đưa cho T1 09 gói nhỏ heroin để bán cho khách. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T1 đã bán cho Nguyễn Quang T và Đỗ Văn C mỗi người 1 gói heroin với khối lượng 0,6639 gam, với giá 100.000đồng/1 gói. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy. Ma túy là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Các loại tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng, gây lo lắng và bức xúc trong nhân dân. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[4] Bị cáo Nguyễn Thị M đã mua bán trái phép ma túy là heroin có khối lượng là 75,7814 gam nên bị cáo bị xét xử theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự: "Heroin ... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam".

[5] Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã bán trái phép ma túy cho hai người nên bị cáo bị xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015: "Phạm tội 02 lần trở lên".

- *Về vai trò và hình phạt:*

[6] Bị cáo Nguyễn Thị M là người chủ mưu, trực tiếp mua ma túy, phân công chỉ đạo bị cáo Nguyễn Văn T1 trong việc bán ma túy. Bị cáo Nguyễn Văn T1 là người thực hành tích cực, trực tiếp bán ma túy theo sự chỉ đạo của bị cáo M. Do đó, đánh giá vai trò của bị cáo M cao hơn so với bị cáo T1.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị M có hành vi "Phạm tội 2 lần trở lên"; bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Do đó, bị cáo phạm chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T1 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm". Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định và trong mức cao của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, các bị cáo có thể bị phạt tiền với mức phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc mà công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và hoàn cảnh của các bị cáo, xét thấy nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức phạt áp dụng với bị cáo M 10.000.000đ, bị cáo T1 5.000.000đ là phù hợp.

- Về vật chứng:

[11] Cơ quan điều tra thu giữ: Toàn bộ số ma túy và mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong bì thư số 278/2018/PC54; 01 túi xách, 01 quyển sổ ghi chép, 01 cân điện tử, 20 mảnh giấy vở học sinh, 50 mảnh giấy bạc, 02 dao lam, 01 vỏ bao thuốc lá, 02 điện thoại di động, thu của bị cáo T1 số tiền 200.000đ, thu của bị cáo M số tiền 226.000.000đ.

[12] Xét: Ma túy là vật cấm lưu hành, sử dụng trái phép nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số vật chứng gồm cân điện từ, các mảnh giấy là những công cụ được dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số vật chứng gồm túi xách, sổ ghi chép là tài sản của bị cáo M, tuy nhiên do trị giá tài sản không lớn và bị cáo không yêu cầu được nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo T1, đây là số tiền bị cáo bán ma túy mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 226.000.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) và chiếc điện thoại di động Nokia, đây là tài sản của bị cáo M; chiếc điện thoại di động Oppo là tài sản của bị cáo T1, những tài sản này không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tạm giữa để đảm bảo nghĩa vụ thi hành của các bị cáo.

- Về án phí:

[13] Các Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[14] Đối với Nguyễn Quang T có hành vi tàng trữ trái phép 0,0156 gam ma túy loại heroine và Đỗ Văn C có hành vi tàng trữ trái phép 0,0273 gam ma túy loại heroine nhưng chưa đủ lượng truy cứu trách nhiệm hình sự (cả hai đối tượng đều

chưa có tiền án tiền sự về ma túy) nên Cơ quan điều tra xử lí hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho M tại khu vực đường tàu Cầu Quay, hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm rõ, xử lí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị M 18 (mười tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 01/6/2018. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị M 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn T1 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 01/6/2018. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T1 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì dán kín còn nguyên niêm phong, trên bề mặt có dấu niêm phong số 278/2018/PC54 và chữ ký của Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị M cùng những người tham gia niêm phong; 01 bỏ bao thuốc lá; 20 mảnh giấy vở học sinh; 50 mảnh giấy bạc; 02 dao lam; 01 cân điện tử; 01 túi xách màu nâu; 01sổ ghi chép.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M 01 điện thoại di động Nokia và số tiền 226.000.000 (Hai trăm hai mươi sáu triệu) đồng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO. Tuy nhiên, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 01 năm 2019 và Biên lai thu tiền số 0001403 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến